Hệ thống giáo dục

Đài Loan

Nuffic
meet the world

Khuyến cáo

Chúng tôi đã tập hợp thông tin để mô tả về các hệ thống giáo dục với sự cẩn trọng lớn nhất. Tuy nhiên, chúng tôi không thể chịu trách nhiệm về hậu quả của sai xót hoặc không đầy đủ thông tin trong tài liệu này.

Bản Quyền

Ngoại trừ hình ảnh và hình minh họa, nội dung của tài liệu này thuộc Giấy phép Creative Commons Attribution Non- Commercial 3.0 Unported (CC BY-NC 3.0). Để biết thêm thông tin về việc tái sử dụng tài liệu này, vui lòng truy cập https://www.nuffic.nl/en/home/copyright.

Hệ thống giáo dục Đài Loan

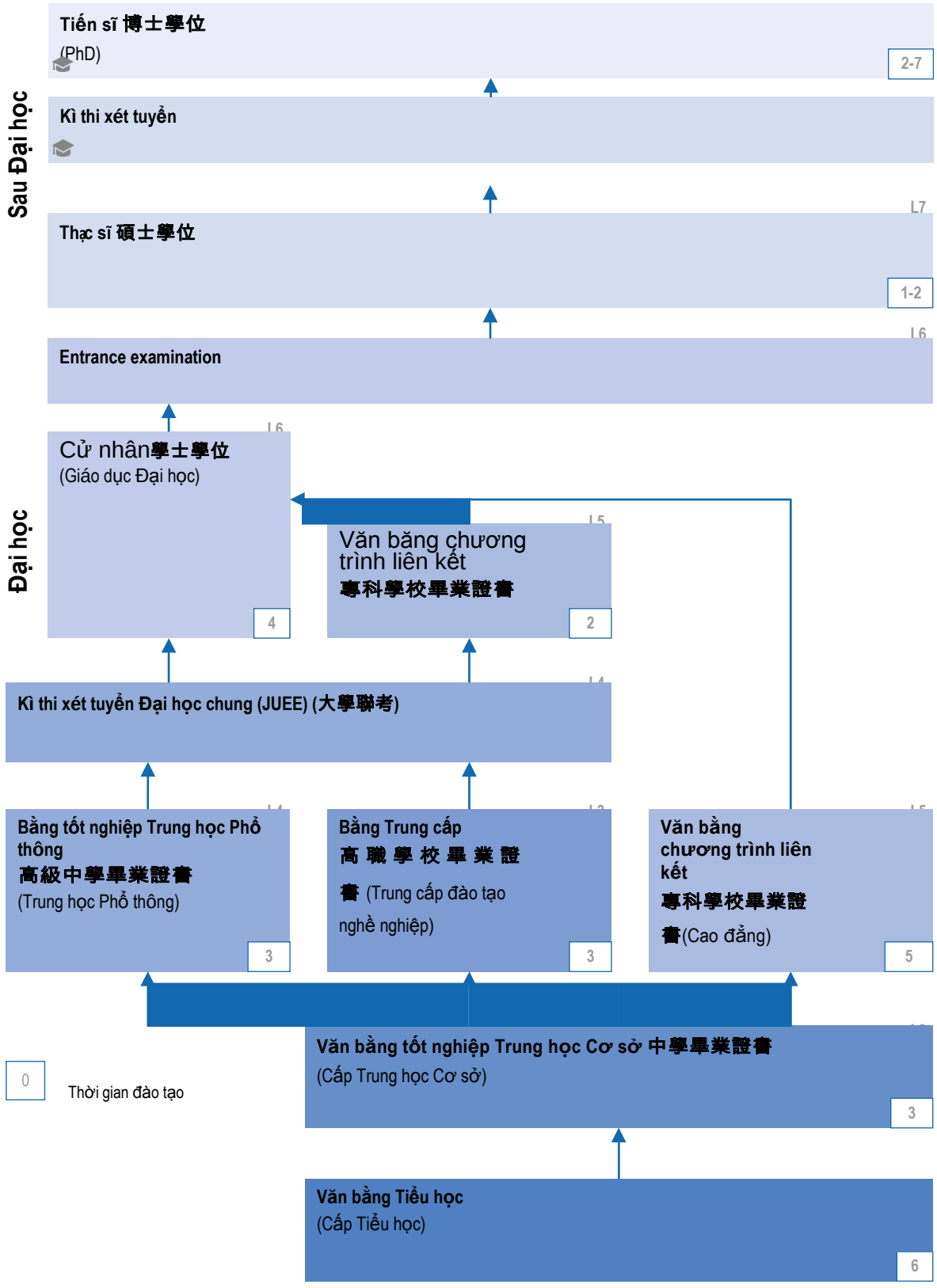

Biểu đồ đánh giá

Trong biểu đồ dưới đây, cột bên trái liệt kê các bằng cấp nước ngoài phổ biến nhất với các mức tương ứng trong Khung trình độ Quốc gia và Châu Âu. Những cột còn lại so sánh với Hà Lan, với mức tương ứng trong khung trình độ Hà Lan và châu Âu.

Degree or qualification	**Dutch equivalent and NLQF level**		**EQF level**
Vocational High School Diploma	MBO diploma (qualification level 2 or 3)	2/3	2/3
Senior High School Diploma	HAVO diploma	4	4
Associate degree obtained at a junior college (2 or 5 years)	2 years of HBO	5	5
Bachelor (4 years)	HBO or WO bachelor's degree	6	6
Master of Science/Arts (usually 2 years)	HBO or WO master's degree	7	7

Ghi chú

- Thông tin được liệt kê trong bảng chỉ mang tính chất tham khảo, không phải thước đo để đánh giá các vấn đề pháp lý.
- NLQF = Hệ thống Văn bằng Hà Lan. EQF = Hệ thống Văn bằng Châu Âu

- Khung EQF/NLQF level không phản ánh chương trình học của mỗi người; thay vào đó là lượng kiến thức và kĩ năng mỗi người sẽ có được sau khi hoàn thành chương trình học.
- Thông tin về các văn bằng tương đương của Hà Lan có thể được tìm thấy trên trang web: the Dutch education system .
- The Cooperation Organisation for Vocational Education, Training and the Labour Market (SBB) , kiểm định các văn bằng nước ngoài ở trình độ VMBO và MBO. Sự kiểm định có thể khác nhau khi SBB xem xét các trường hợp VET schools hoặc để tham gia vào thị trường lao động của Hà Lan.

Giới thiệu

“Cộng hòa Trung Quốc”- The Republic of China (theo tên gọi chính thức của Đài Loan) được thành lập vào năm 1912 bởi Sun Yat-sen. Đài Loan là một nước cộng hòa dân chủ lập hiến bao gồm nhiều đảng chính trị.

Năm 1911, trước sự kết thúc của thời kì thể chế cũ tại Trung Quốc đại lục (sau cuộc đảo chính của quân đội) và sự khởi đầu của Trung Hoa Dân Quốc. Tôn Trung Sơn được bầu làm tổng thống đầu tiên vào ngày 1 tháng 1 năm 1912, ngày này được coi là ngày đầu tiên của năm đầu tiên hình thành nền Cộng hòa (theo lịch của Cộng hòa Trung Quốc). Tôn Trung Sơn mất năm 1925, và được Tưởng Giới Thạch kế vị. Năm 1949, Đài Loan trở thành nơi ẩn náu cho khoảng hai triệu Đảng viên của Quốc dân đảng, đảng quốc gia do tướng Tưởng Giới Thạch lãnh đạo chạy trốn khỏi quân đội cộng sản của Mao Trạch Đông.

Cũng trong năm đó, Mao tuyên bố Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại Bắc Kinh. Tại Đài Loan, Tưởng Giới Thạch duy trì chế độ chuyên quyền với chế độ độc đảng. Trong những năm 1970 và 1980, Đài Loan đã có sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, và vào năm 1996, cuộc bầu cử quốc gia tự do đầu tiên đã được tổ chức. Ngày nay, Đài Loan có một chính phủ được bầu cử dân chủ, được lãnh đạo bởi Quốc Dân Đảng từ năm 2008.
Phe đối lập, Đảng Dân chủ Nhân dân (DPP), đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử năm 2000 và 2004.

Nước này có ba cấp hành chính: quốc gia, tỉnh và thành phố (quận). Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chính sách giáo dục ở tất cả các cấp. Hệ thống giáo dục Đài Loan được xây dựng dựa trên hệ thống của Mỹ, và tập trung vào các chi tiết. Có một sự nhấn mạnh vào kiến thức thực tế và luyện tập, và hệ thống này kết thúc các cấp học bằng các kỳ thi.

Hệ thống giáo dục Đài Loan chứa số lượng đáng kể các tổ chức tư nhân. Việc tổ chức trường tư và các tiêu chuẩn cho việc thành lập các trường tư thục dưới mọi hình thức và cấp độ được quy định theo luật và cần phải được đáp ứng bởi các tổ chức tư nhân được thành lập tại Đài Loan. Các tổ chức tư nhân ở cấp trung học phổ thông và cao hơn rơi vào sự giám sát của Bộ Giáo dục.

Giáo dục được cung cấp cả các chương trình toàn thời gian và bán thời gian, ngoài ra còn có giáo dục tại chức (bổ sung) được cung cấp bởi các tổ chức như trường học buổi tối và trường đại học mở. Giáo dục bắt buộc được yêu cầu ở cấp tiểu học và trung học cơ sở.
Giáo dục bổ sung (còn được gọi là giáo dục thường xuyên) bao gồm giáo dục tại chức ở cấp trung học và giáo dục đại học.

Giáo dục là bắt buộc trong 9 năm đầu tiên, bao gồm giáo dục tiểu học và trung học cơ sở (hoặc trung cấp). Chính phủ đã mở rộng giáo dục bắt buộc đến lớp 12 năm vào năm 2015.

Sửa đổi năm 1999 của Đạo luật Giáo dục Quốc gia lần thứ hai đã giúp các trường Đại học được tự do hơn trong việc lựa chọn chương trình giảng dạy và áp dụng các tài liệu giáo dục. Trước thời điểm đó, chính phủ có một chương trình giảng dạy tiêu chuẩn. Ngày nay có nhiều chỗ cho sự đa dạng và linh hoạt.

Ngôn ngữ giảng dạy chính thức là tiếng Trung phổ thông. Thông thường, giáo dục cũng được cung cấp bằng tiếng Anh tại một vài chương trình. Các phương ngữ khác được nói bao gồm Hakka-Đài Loan (phương ngữ Phúc Kiến). Trong khi Trung Quốc đại lục đã giới thiệu các ký tự Trung Quốc đơn giản hóa, Đài Loan đã duy trì việc sử dụng các ký tự Trung Quốc truyền thống (không viết tắt). Wade-Giles là hệ thống được sử dụng để La Mã hóa các văn bản.

Năm học có 2 học kỳ, bắt đầu từ tháng 9-tháng 1 và từ tháng 2-tháng.

Giáo dục cấp Tiểu học và Trung học

Tiểu học(小學)

Chương trình tiểu học kéo dài trong 6 năm (lớp 1-6). Trẻ em bắt đầu đi học khi được 6 tuổi. Cuối cấp tiểu học, học sinh được cấp bằng Tốt nghiệp Tiểu học. Gần đây, tiếng Anh đã được dạy từ lớp 5 trở đi.

Trung học Cơ sở(中學)

Sau tiểu học, học sinh tiếo tục chương trình Trung học Cơ sở trong 3 năm (lớp 7-9, còn được gọi là 'giáo dục trung cấp'), bao gồm các môn sau: công dân và đạo đức, giáo dục sức khỏe, tiếng Hoa, tiếng Anh, toán, khoa học xã hội, lịch sử, địa lý, khoa học tự nhiên, giáo dục thể chất, âm nhạc, kinh tế gia đình và công nghệ thông tin. Ngoài ra còn có một số môn học tự chọn. Chương trình giảng dạy được tạo thành từ chủ yếu các môn học chung; một số môn kỹ thuật và dạy nghề khác cũng được trường cung cấp như trong quy định ở Mục 7 của Đạo luật Giáo dục Quốc gia.

Học sinh được yêu cầu phải hoàn thành kỳ thi cuối cùng kể từ năm 2001 (Bài kiểm tra năng lực cơ bản của học sinh trung học cơ sở (BCT, 國民 學 學).

bài kiểm tra có 5 phần: tiếng Anh, toán học, tiếng Trung Quốc, khoa học tự nhiên (tức là vật lý, hóa học, sinh học, giáo dục thể chất và trái đất học) và khoa học xã hội (lịch sử, địa lý, công dân và đạo đức, và ‘Hiểu biết về Đài Loan). BCT được tiến hành vào tháng 3, với các kỳ thi bổ sung được tổ chức vào tháng 6.

Học sinh thi đỗ BCT được cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (,), mà qua đó đại diện cho sự kết thúc của chương trình giáo dục bắt buộc. Chính phủ hiện có kế hoạch hủy bỏ BCT và thay vào đó sử dụng một kỳ thi chứng chỉ để đánh giá kết quả học tập các môn chung trên cả quá trình của học sinh.

Chương trình giáo dục quốc gia mở rộng dựa trên chương trình giáo dục nghề nghiệp đã được đưa ra vào năm 1992 và được đổi tên thành Chương trình kỹ thuật thực hành (技能) vào năm 1995. Các chương trình đào tạo kỹ thuật bắt đầu từ năm thứ ba của chương trình trung học cơ sở, dành cho những học sinh không muốn tiếp tục theo hướng giáo dục Trung học Phổ thông chung. Sau khi hoàn thành, những học sinh này có thể chuyển sang các trường trung cấp nghề nghiệp, kéo dài tối thiểu 1 năm nữa. Không có bài kiểm tra đầu vào được yêu cầu để nhập học Chương trình kỹ thuật thực hành.

Trung học Phổ thông(高級中學)

Sau khi hoàn thành trung học cơ sở, mỗi học sinh Đài Loan có 3 lựa chọn để tiếp tục việc học tập của mình: giáo dục trung học phổ thông tại một trường trung học phổ thông; giáo dục nghề nghiệp tại một trường Trung cấp (cả hai đều có thời gian đào tạo chính thức là 3 năm (lớp 10-12), hoặc chương trình giáo dục liên kết 5 năm tại một trường cao đẳng.

Kể từ năm 2001, có 3 cách có thể để mỗi sinh viên được theo học (Chương trình Đa hướng tuyển sinh Trường Trung học Phổ thông,
高中及高職多元入學方案):

Đề xuất vào học (甄 選): học sinh chọn một trường trung học phổ thông có yêu cầu tuyển sinh đầu vào, và trường trung học cơ sở của học sinh đó gửi đơn xin học và điểm BCT của học sinh đó đến trường trung học phổ thông mong muốn. Nhập học có thể được cấp dựa trên tài năng đặc biệt (nghệ thuật, thể thao hoặc học tập).

· Phân công đăng ký (入學): học sinh nộp đơn đăng ký cho cấp trung học phổ thông qua trường trung học cơ sở. Việc nhập học được xét dựa trên điểm BCT của họ - kết quả học tập của họ không được xem xét. Học sinh phải thi bài BCT lần thứ hai trước khi nhập học. Năm mươi phần trăm học sinh tại trường trung học phổ thông tại Đài Loan có hình thức tuyển sinh theo cách này.

· Đơn trực tiếp (入學): học sinh tự đăng ký trực tiếp tại trường trung cấp hoặc trường trung học phổ thông mà họ lựa chọn, việc trúng tuyển được xét dựa trên điểm BCT của họ và có thể là điểm trung bình ở trường Trung học Cơ sở của họ.

Các chương trình trung học phổ thông chuẩn bị cho học sinh cho kỳ thi tuyển sinh giáo dục đại học.

2 năm đầu tiên của chương trình giảng dạy là giống nhau cho tất cả các sinh viên, và trong năm thứ ba, học sinh chọn giữa 2 ban: Khoa học xã hội / Nhân văn hoặc Khoa học tự nhiên / Kỹ thuật.

Chương trình giảng dạy bao gồm các môn tiếng Trung, tiếng Anh, Giáo dục công dân, Triết học, lịch sử, địa lý, toán học, khoa học cơ bản, vật lý, hóa học, sinh học, khoa học trái đất, giáo dục thể chất, âm nhạc, mỹ thuật, nghệ thuật công nghiệp, kinh tế gia đình và quân sự cơ bản.

Một số trường trung học phổ thông có liên kết với các trường đại học, thường là một nhánh của các Trường Địa học lớn, chủ yếu trong ngành sư phạm. Điều này được thể hiện trong tên của họ: những trường như vậy trước tiên nêu tên của trường đại học, với Trường trung học phổ thông liên kết được thêm vào sau đó.

Kết thúc chương trình, học sinh được cấp Bằng Tốt nghiệp Trung học Phổ thông

(高中及高職多元入學方案) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học phổ thông.

Về cấp độ, Văn bằng Tốt nghiệp Trung học Phổ thông (*Senior High School Diploma) tương đương với văn bằng* HAVO.

Ở giai đoạn tiếp theo, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông có 2 lựa chọn để tiếp tục học: chương trình giáo dục đại học tại trường đại học hoặc cao đẳng, hoặc học tại trường cao đẳng 2 năm hoặc học viện công nghệ. Đối với lựa chọn cuối cùng này, cần có 1 năm kinh nghiệm làm việc sau khi hoàn thành trường trung học phổ thông.

Các trường trung học 'song phương (綜合高中) được thành lập vào năm 1996. Các chương trình như vậy kết hợp các môn học chung với giáo dục nghề nghiệp và các môn tự chọn. Tuy nhiên, những trường này cũng được gọi là trường trung học toàn diện, (xem đoạn văn sau). Những trường này hướng đến đối tượng học sinh trung học cơ sở, những người chưa biết khóa học nào họ muốn theo học. Tổng cộng 160 tín chỉ được yêu cầu để hoàn thành chương trình, 40 trong số đó có thể tích luỹ được trong một môn dạy nghề.

Học sinh cũng có thể học một chương trình trung học phổ thông hoàn chỉnh, hoặc một chương trình dạy nghề hoàn chỉnh. Về nguyên tắc, học sinh hoàn thành chương trình giảng dạy chung có thể sử dụng bằng cấp của các trường này để được vào học tại các trường cao đẳng và đại học theo chương trình 4 năm thuộc Bộ Giáo dục Đại học của Bộ Giáo dục. Trước khi những học sinh này có thể được xét tuyển vào các trường cao đẳng / học viện kỹ thuật thuộc sự giám sát của Bộ Giáo dục Kỹ thuật / Dạy nghề hoặc vào một trường cao đẳng 2 năm, họ phải có 1 năm kinh nghiệm làm việc sau khi hoàn thành bậc trung học. Điều ngược lại áp dụng cho các học sinh đã hoàn thành khoá học của các chương trình dạy nghề.

Các trường trung học cơ sở toàn diện thực nghiệm (完全 學 學) cũng đã được thành lập, nơi học sinh đã hoàn thành trung học cơ sở không cần phải thi tuyển sinh (hoặc nếu vậy, ở mức độ thấp hơn) để tiếp tục học lên cấp cao trường học. Những trường này còn được gọi là trường trung học kết hợp, cung cấp các lựa chọn tương tự về mặt chương trình giảng dạy như các trường song phương. Học sinh có chứng chỉ từ các trường này có thể lấy 40 tín chỉ môn học nghề, sau đó họ (về nguyên tắc) có đủ điều kiện để được nhận vào các chương trình 4 năm tại các viện đại học công nghệ và kỹ thuật, và các chương trình đại học 2 năm. Học sinh đã học các môn chung phải hoàn thành 1 năm kinh nghiệm làm việc sau khi hoàn thành trung học trước khi đủ điều kiện được nhận vào các

khóa học kỹ thuật hoặc dạy nghề.

Cuối cùng, các trường trung học phổ thông thực nghiệm, được thiết kế để kiểm tra và đánh giá các phương pháp và chương trình giáo dục mới. Họ đang hướng tới các nhóm học sinh nhất định, chẳng hạn như người Hoa ở nước ngoài hoặc con của các quan chức chính phủ làm việc ở nước ngoài.

Senior vocational school (高職學校)

Trường đào tạo nghề cao cấp có thời gian danh nghĩa là 3 năm (4 năm cho chương trình bán thời gian). Các trường này thuộc Bộ Giáo dục Công nghệ và Dạy nghề của Bộ Giáo dục. Các chuyên ngành mà học sinh có thể chọn là nông nghiệp, công nghiệp, vận chuyển, thương mại, kinh tế gia đình, điều dưỡng, nghệ thuật và opera. Các chương trình này có mục tiêu rất thực tế, và được chia thành 40% môn học chung, 40% môn học nghề và 20% các môn tự chọn. Các chương trình này cũng được cung cấp bởi một số ít các trường trung học phổ thông.

Những loại chương trình được cung cấp:

• Các chương trình vừa học vừa làm phối hợp với các công ty, trong đó phần lý thuyết được cung cấp bởi nhà trường và yếu tố thực hành được công ty đảm nhận.

• Các chương trình kỹ năng thực hành: đối tượng là những học sinh không muốn tiếp tục theo hướng học thuật, muốn tham gia trực tiếp vào thị trường lao động. Những học sinh này sẽ học các kỹ năng nghề nghiệp trong các chương trình đào tạo kéo dài từ 1 đến 3 năm.

• Các chương trình kỹ thuật đặc biệt: các chương trình này kéo dài 3 năm, học sinh thêm 1 năm để phát triển các kỹ năng thực tế. Các chương trình này nhằm hỗ trợ các học sinh gặp trong việc khó khăn học tập.

• Các chương trình giáo dục bổ sung: các chương trình này nhằm mục đích cung cấp cho người học bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Không giới hạn độ tuổi áp dụng cho các chương trình này và các lớp học được tổ chức vào buổi tối. Vào cuối các chương trình 3 năm này, học sinh hoàn thành một kỳ thi và được trao chứng chỉ tương đương với bằng tốt nghiệp trung cấp dạy nghề.

Chương trình giảng dạy được chia thành 30% môn học chung, 60% môn kỹ thuật / kinh nghiệm thực tế và 10% môn tự chọn/hoạt động nhóm.

Học sinh có thể tiếp tục học cao hơn tại các chương trình đại học 2 năm hoặc chương trình 4 năm tại các viện công nghệ.

Về lý thuyết, những sinh viên theo hướng giáo dục này cũng có thể tham dự kỳ thi tuyển sinh giáo dục đại học quốc gia cho các chương trình cử nhân. Trong thực tế, chỉ có số ít thành công. Sinh viên tốt nghiệp có thể tham gia vào thị trường lao động ngay nếu đạt yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Về cấp độ, văn bằng Trung học Phổ thông Nghề nghiệp (*Vocational High School Diploma) tương đương với văn bằng* MBO cấp 2 hoặc 3 tuỳ thuộc vào chương trình đào tạo.

Chương trình Cao đẳng 5 năm (五年制專科學校, gọi tắt là 五專)

Các trường cao đẳng cung cấp các chương trình 5 năm với quá trình giảng dạy giống như một trường trung cấp dạy nghề trong 3 năm đầu tiên. Nhóm mục tiêu họ hướng đến là những học sinh đã hoàn thành trung học cơ sở hoặc một cấp độ tương đương và đã vượt qua bài kiểm tra sàng lọc nhập học do trường tổ chức.

Theo Luật Đại học năm 2004 sửa đổi, các trường cao đẳng cung cấp các chương trình định hướng thực hành tại các ngành khoa học và công nghệ ứng dụng.

Các trường cao đẳng có thể là các cơ sở cấp quốc gia, thành phố hoặc tư nhân, và các trường đại học, cao đẳng kỹ thuật đôi có thể thành lập các trường cao đẳng như một nhánh của họ. Vào cuối chương trình, sinh viên cần tích luỹ được 220 tín chỉ để nhận được bằng Cao đẳng (畢業證書). Yêu cầu thực tập thường là một phần bắt buộc của chương trình.

Chương trình giảng dạy được chia thành 25% môn học đại cương, 10% môn kỹ thuật cơ bản và 25% môn học kỹ thuật cốt lõi. 40% còn lại có thể được xác định bởi ngành làm việc. Các chuyên ngành được cung cấp bao gồm công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, kinh tế gia đình, sản xuất biển, dược học, điều dưỡng, công nghệ y tế, giáo dục thể chất, nghệ thuật, âm nhạc, opera, ngôn ngữ, dịch vụ thực phẩm và các lĩnh vực tương tự. Các chương trình dược phẩm, thú y, kỹ thuật hàng hải và điều hướng yêu cầu thêm một năm để hoàn thành

Về cấp độ, Văn bằng Liên kết từ 5 năm đào tạo tại các trường Cao đẳng tương đương với 2 năm đào tạo nghề nghiệp cao cấp (HBO).

Tuyển sinh vào giáo dục Đại học

Vào năm 2002, Hệ thống tuyển sinh Đại học đa dạng (NSDUA, 多元 入學 方案) đôi khi cũng được dịch là Chương trình tuyển sinh đại học đa dạng (DCES) đã được giới thiệu.

Hệ thống này dựa trên 2 phương thức nhập học:
· Nhập học qua chọn lọc, đề xuất: bao gồm nhập học theo đơn (học sinh hoàn thành bài kiểm tra năng lực môn học và nộp đơn vào nhiều tổ chức / khoa; kiểm tra hoặc phỏng vấn với một giảng viên chịu trách nhiệm tuyển sinh) và nhập học thông qua

sàng lọc đề xuất (trường trung học phổ thông khuyến nghị học sinh đến một khoa, sinh viên hoàn thành SCT, sau đó là Kiểm tra môn học được chỉ định (xem bên dưới) hoặc một cuộc phỏng vấn tại khoa).
· Nhập học thông qua Kỳ thi: học sinh được nhận chỉ dựa trên điểm thi SCT và / hoặc Điểm kiểm tra môn học được chỉ định (DSE). Phương pháp này thực sự chứa ba mô hình con: Các kế hoạch A và B = SCT + một hoặc nhiều DSE, DSE trong các môn học khác nhau; Ngành C = ít nhất năm DSE (= JUEE cũ)

SCT (Subject Competency Test, kì thi đánh giá năng lực học tập 学科能力测验)

Kì thi được thực hiện trong học kỳ thứ hai, năm thứ ba của trường trung học phổ thông, dành cho những học sinh muốn tiếp tục học lên cấp cao hơn. Các bài kiểm tra bao gồm tiếng Anh, tiếng Trung, toán học, khoa học tự nhiên và xã hội. Mỗi bài thi kéo dài trong 100 phút và được tổ chức bởi CEEC (Trung tâm khảo thí tuyển sinh đại học). Kì thi này này được tổ chức lần đầu tiên vào tháng 2 năm 2001 và điểm số chỉ có giá trị trong năm mà bài kiểm tra được thực hiện. Bài kiểm tra kiểm tra kiến thức môn học cơ bản trong 2 năm đầu tiên của trường trung học phổ thông, sử dụng nhiều lựa chọn. Tên của bài kiểm tra cũng thường được dịch là SAT (Kiểm tra năng lực học tập).

DSE (Designated Subject(s) Examination 指定科目考试)

Kì thi này được CEEC tổ chức hàng năm vào tháng 7 và dựa trên kì JUEE trước đó. Trước đây, học sinh phải trải qua 5 bài kiểm tra; ngày nay số lượng bài kiểm tra của họ phụ thuộc vào các điều kiện tiên quyết được đặt ra bởi các trường nơi sinh viên muốn học. Thông thường chỉ 1 đến 3 bài.

Kì thi này hướng đến kiểm tra một số kỹ năng nhất định, như kỹ năng phân tích, tổ chức, giải quyết vấn đề và sáng tạo, và cũng kiểm tra kiến thức môn học sâu hơn như đã học trong năm thứ ba của trường trung học phổ thông.

Giáo dục Đại học

Đài Loan có 163 cơ sở giáo dục đại học công lập (cấp quốc gia và thành phố) và các cơ sở tư nhân, có thể được chia thành các trường đại học, cao đẳng 4 năm, viện công nghệ và cao đẳng 2 năm. Các trường đại học luôn có ít nhất 3 khoa và cung cấp nhiều chương trình. Có thể đào tạo các chuyên ngành về nghiên cứu, trong việc sư phạm, hoặc đào tạo các chuyên ngành lớn. Các trường cao đẳng có quy mô nhỏ hơn và chuyên sâu hơn về khoa học tự nhiên, cung cấp 2 chuyên ngành trong cùng một chương trình đào tạo. Các viện công nghệ cung cấp cả chương trình kỹ thuật 4 năm cũng như chương trình trung cấp 2 năm.
Các tổ chức tư nhân chiếm 60% tổng số các tổ chức giáo dục đại học ở Đài Loan. Từ trước đến nay, Bộ Giáo dục luôn có tầm ảnh hưởng lớn quyết định đến việc tổ chức giáo dục đại học; năm 1994, các trường đã được trao quyền tự chủ lớn hơn.

Các môn học bắt buộc trong chương trình giảng dạy là văn học, lịch sử, hiến pháp và tiếng Trung Quốc (mỗi môn 4 tín chỉ), cũng như giáo dục thể chất (liên tục trong 3 năm), huấn luyện quân sự (liên tục trong 2 năm) và đạo đức (không có tín chỉ, xác nhận hoàn thành). Cả hai lớp học ban ngày và buổi tối đều được cung cấp. Các chương trình được thực hiện dưới dạng lớp học bổ túc mất thêm

1 năm để hoàn thành. Các chương trình giáo dục tại chức được cung cấp bởi các trường đại học mở.

Cử nhân

Hầu hết các chương trình cử nhân có thời gian dâof tạo chính thức là 4 năm. Chương trình Y học mất 7 năm để hoàn thành (bao gồm 1 năm thực tập y khoa), Nha khoa mất 6 năm (bao gồm cả 1 năm làm việc); Thú y, các chương trình sư phạm và kiến trúc mất 5 năm.

Các chương trình Cử nhân theo hướng học thuật chung cũng như trong các lĩnh vực nghiên cứu chuyên môn đều được giảng dạy tại các trường đại học và cao đẳng 4 năm. Giống với hệ thống giáo dục Đại học Mỹ, các chương trình gồm phần lớn là các môn học chung, đặc biệt là trong 2 năm đầu tiên. Cấp độ của văn bằng được trao tùy thuộc vào lĩnh vực nghiên cứu đã chọn, ví dụ: Cử nhân Văn học, Cử nhân Khoa học, Cử nhân Thương mại, Cử nhân Giáo dục hoặc Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Sinh viên thường được yêu cầu phải tích luỹ từ 132 đến 175 tín chỉ để tốt nghiệp các chương trình cử nhân. Chương trình giảng dạy bao gồm ba phần: môn học chung (30 tín chỉ), môn học chính bắt buộc (78-84 tín chỉ) và môn tự chọn (14-20 tín chỉ).

Về cấp độ, Văn bằng Cử nhân tương đương với văn bằng Cử nhân HBO hoặc WO tuỳ vào chương trình học (định hướng thực hành hay nghiên cứu).

Thạc sĩ

Thời gian đào tạo chính thức của các chương trìnhThạc sĩ kéo dài trong khoảng từ 1 đến 4 năm, nhưng 2 năm là thời gian phổ biến nhất . Học sinh cần phải vượt qua kì tuyển sinh của mỗi chương trình.

Sinh viên có bằng cử nhân đủ điều kiện để tham gia kỳ thi tuyển sinh, vì những sinh viên đã hoàn thành chương trình đại học 2 năm hoặc 3 năm kinh nghiệm làm việc liên quan. Cấu tạo của chương trình được tạo thành từ các môn học bắt buộc; luận án cuối cũng như năng lực về tiếng Anh hoặc một ngoại ngữ khác.

Để tốt nghiệp chương trình, sinh viên phải tích luỹ được 24 tín chỉ, vượt qua bài kiểm tra viết và bảo vệ thành công luận án cuối cùng của họ. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Thạc sĩ Khoa học hoặc Thạc sĩ Nghệ thuật, tùy thuộc vào chuyên ngành.

Về cấp độ,văn bằng Thạc sĩ Khoa học (*Master of Science/Master of Arts) tương đương với văn bằng Thạc sĩ* HBO or WO tuỳ vào chương trình đào tạo..

PhD

Thời gian đào tạo của một chuong trình tiến sĩ dao động từ 2 đến 7 năm. Có nhiều lựa chọn để nhập học khác nhau, nhưng hầu hết các sinh viên được phép nhập học dựa vào bằng cấp trươc đó của họ. Một kỳ thi tuyển sinh thường được yêu cầu sinh viên hoàn thành. Sinh viên cũng có thể được nhận vào chương trình nếu có bằng cử nhân với kết quả xuất sắc và 6 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành liên quan, hoặc sinh viên tốt nghiệp y khoa có 2 năm kinh nghiệm làm việc liên quan và hoàn thành kỳ thi tuyển sinh. Sinh viên đã hoàn thành ít nhất 1 năm chương trình thạc sĩ với kết quả xuất sắc đủ điều kiện để chuyển tiếp sang tiến sĩ mà không phải hoàn thành chương trình thạc sĩ hoặc tham dự kỳ thi tuyển sinh. Để được trao bằng Tiến sĩ Triết học, sinh viên phải hoàn thành 18 tín chỉ của khóa học (30 tín chỉ sau khi chuyển đổi trực tiếp từ Thạc sĩ), kì thi sẽ có các bài kiểm tra viết và bảo vệ luận án tiến sĩ.

Higher professional education

Chương trình Cao đẳng 2 năm (二年制專科學校, gọi tắt là 二專)

Các chương trình cao đẳng hai năm là các chương trình định hướng thực hành ngắn trong các chương trình đào tạo nghề nghiệp, và được cung cấp tại các trường cao đẳng và viện công nghệ. Hiện tại có 14 trường cao đẳng tại Đài Loan, 11 trong số đó là các tổ chức tư nhân.

Các chương trình này chủ yếu nhận sinh viên tốt nghiệp từ các trường trung cấp dạy nghề. Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông cũng có thể được nhận, nhưng chỉ với các chương trình cụ thể đã được Bộ Giáo dục phê duyệt cho mục đích này. Chương trình giảng dạy được chia thành khoảng 30% môn chung, 55% kiến thức nghề nghiệp và 15% môn tự chọn. Sinh viên phải tích luỹ được tối thiểu 80 tín chỉ để hoàn thành chương trình, thường bao gồm cả thời gian thực tập. Các chuyên ngành giảng dạy bao gồm Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật, Công nghệ máy tính, Y tế, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Ngư nghiệp và Kinh tế gia đình. Các chương trình Kỹ thuật Xây dựng mất thêm một năm để hoàn thành.

Sinh viên tốt nghiệp được trao Giấy chứng nhận tốt nghiệp với bằng Liên kết Cao đẳng.

> Về cấp độ, Chứng nhận tốt nghiệp *Certificate of Graduation văn bằng Liên kết Associate degree từ chương trình 2 năm của trường Cao đẳng tương đương với 2 năm đào tạo nghề cao cấp* (HBO).

Sinh viên có nguyện vọng muốn học tập thêm để lấy bằng cử nhân có thể thực hiện tại một trường đại học hoặc một viện công nghệ, tuy nhiên, có yêu cầu kiểm tra đầu vào với mỗi chương trình. Năm 1996, các chương trình 2 năm (chương trình hoàn thành bằng cử nhân (二 技)) đã được giới thiệu, trong đó sinh viên phải tích luỹ được 72 tín chỉ để có được bằng cử nhân. Các chương trình này cung cấp văn bằng cao đẳng mà sinh viên tốt nghiệp có

cơ hội để học tiếp lên bằng cử nhân qua việc hoàn thành các chương trình bổ sung. Chương trình có yêu cầu thi đầu vào (技術 校 院 二年制 統一 入學)

Hệ thống đánh giá

Cấp tiểu học, Trung học và Đại học thường sử dụng thang điểm 100 để đánh giá học sinh. Tuy nhiên, cấp độ trong mỗi thang điểm là khác nhau. Tuy nhiên, mọi tiêu chí chấm điểm sẽ được nêu rõ trong bảng điểm cấp cùng văn bằng.

Bảng điểm được ứng dụng ở cấp Tiểu học và Trung học Cơ sở:

Điểm số	Điểm chữ	Mô tả
90-100	A	Xuất sắc
80-89	B	Rất tốt
70-79	C	Tốt
60-69	D	Qua
0-59	F	Trượt

Giáo dục Đại học ứng dụng hệ thống sau:

Điểm số	Điểm chữ
80-100	A
70-79	B
60-69	C
50-59	D
0-49	E

60 là điểm qua môn ở các cơ sở Giáo dục Đại học, 70 là điểm qua của các chương trình sau đại học :

Điểm số	Điểm chữ
80-100	A
70-79	B
0-69	F

Quản lý và kiểm định chất lượng

Các tổ chức giáo dục ở cấp quốc gia có nhiều nguồn tài trợ hơn và được đánh giá cao hơn các tổ chức tư nhân, thực tế cũng được chứng minh bởi các yêu cầu đầu vào được đặt ra bởi các tổ chức quốc gia là cao hơn so với các cơ sở tư nhân. Đại học Quốc gia Đài Loan không chính thức được coi là tổ chức giáo dục đại học uy tín nhất tại Đài Loan.

Đảm bảo chất lượng là một vấn đề của Bộ Giáo dục. Với luật năm 1994, sự kiểm soát của chính phủ đã giảm đi rất nhiều và các tổ chức đã giành được quyền tự chủ nhiều hơn. Tuy nhiên, chính phủ cũng bắt đầu thực hiện quản lý qua việc phát triển một hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ (tự đánh giá) và minh bạch cho các tổ chức.

Từ năm 2002, chính phủ cũng đã đưa ra các chương trình quốc gia (và các chương trình khác) sau đây để cải thiện chất lượng giáo dục đại học:
• Chương trình thúc đẩy chất lượng học tập của các trường đại học;
• Chương trình thúc đẩy tham gia giáo dục đại học cơ bản;
• Chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của các trường đại học;
• Chương trình Trung tâm Nghiên cứu Hợp nhất và Liên kết Đại học;
• Chương trình đào tạo nhân lực trong các khoa khoa học và công nghệ của các trường đại học;
• Chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng cho các trường đại học dựa trên nghiên cứu;
• Chương trình khuyến khích các trường đại học theo đuổi giảng dạy xuất sắc.

Kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện bởi Bộ Giáo dục. Các tổ chức cần có sự cho phép của Bộ để được thành lập và công nhận.

Năm 2005, Hội đồng Đánh giá và Chứng nhận Giáo dục Đại học Đài Loan (HEEACT) được thành lập để đánh giá các tổ chức giáo dục đại học, giám sát các thủ tục đánh giá và xây dựng các tiêu chí đánh giá khách quan mới. Thông tin chi tiết xem ở link Tổng quan về các cơ sở Giáo dục Đại học Overview of higher education institutions.

Yêu cầu hồ sơ

Các văn bằng của Đài Loan thường được cấp bằng tiếng Anh. Một hồ sơ hoàn chỉnh từ một tổ chức giáo dục đại học đòi hỏi phải có bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận tốt nghiệp, Giấy chứng nhận cũng như Bảng điểm bằng tiếng Anh và / hoặc tiếng Trung Quốc. Thay vào đó, một số trường đại học Đài Loan chỉ phát hành báo cáo.
Các trường trung học thường cung cấp một tuyên bố bằng tiếng Anh có chữ ký của trường, cộng với một danh sách các môn học bằng tiếng Anh hoặc song ngữ.

Nuffic không có thông tin về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến các tài liệu giả mạo hoặc với việc xác minh văn bằng của Đài Loan.

Tổng quan về hệ thống giáo dục Đại học

Taiwan Quality Institution Directory (TQID) with an overview of all higher education institutions and programmes accredited by HEEACT.

Từ vựng

Republic of China (i.e. Taiwan)	中華民國
Primary school	小學
Junior high school	中學
Senior high school	**高級中學**
Senior vocational school	高職學校
Comprehensive junior-senior high schools	完全中學
Experimental “bilateral” high schools	綜合高中
5-year junior college	五年制專科學校，五專
2-year junior college	二年制專科學校，二專
College	學院
University	大學
Institute of technology	技術學院
Certificate of graduation, diploma	畢業證書
List of marks	成績單/成績表
Bachelor’s degree	學士學位
Master’s degree	碩士學位
Doctorate	博士學位
SCT (Subject Competency Test)	学科能力测验
DSE (Designated Subject(s) Examination)	指定科目考试
JUEE (Joint University Entrance Examination)	大學聯考
BCT (Basic Competency Test)	國民中學學生基本學力
Joint Public Senior High School Entrance Examination	公立高中聯招
Practical Technical Program	實用技能班
Multi-route Promotion Program for Entering Senior High Schools	高中及高職多元入學方案
New System of Diversified University Admissions	大學多元入學方案

Thông tin thêm

- English-language website of the Ministry of Education.
- Website of the Higher Education Evaluation & Accreditation Council of Taiwan (HEEACT).
- Taiwan Yearbook 2016, education section.
- English version of the College Entrance Examination Center (CEEC) website.
- Laws & Regulations Database of the Taiwanese Ministry of Justice, with an overview of all laws and regulations.
- The Private School Law of Taiwan.
- Taipei Representative Office in the Netherlands.

■ Senior High School Diploma - Chinese and English version (bilingual)

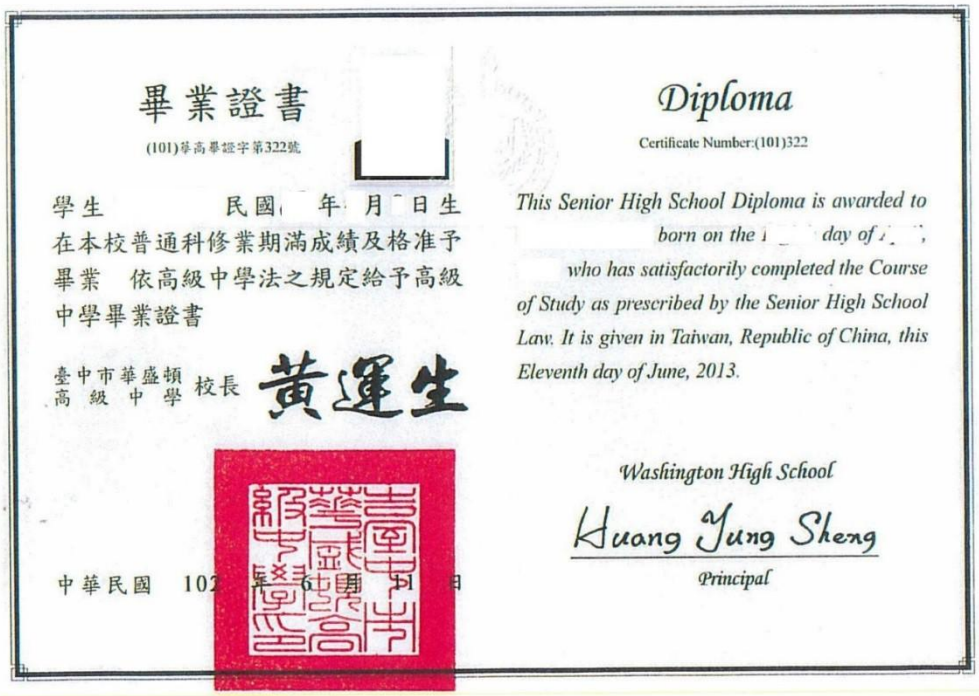

畢業證書

(101)華高畢證字第322號

學生　　民國　年　月　日生
在本校普通科修業期滿成績及格准予畢業　依高級中學法之規定給予高級中學畢業證書

臺中市華盛頓高級中學 校長 黃運生

中華民國 102 年 6 月 11 日

Diploma

Certificate Number:(101)322

This Senior High School Diploma is awarded to
born on the day of ,
who has satisfactorily completed the Course of Study as prescribed by the Senior High School Law. It is given in Taiwan, Republic of China, this Eleventh day of June, 2013.

Washington High School

Huang Jung Sheng

Principal

Senior high school – grade list (bilingual version)

臺北市立成功高級中學 4

TAIPEI MUNICIPAL CHENGGONG HIGH SCHOOL

中華民國臺北市濟南路一段七十一號

NO.71 SECTION 1 CHI-NAN ROAD TAIPEI, TAIWAN

THE REPUBLIC OF CHINA

TRANSCRIPT

1.Name in Chinese:

2.Name in English:

3.Date of Entrance: Sep. 1996

4.Date of Graduation: July 1999

Date: Sep. 13,2005

Course of Study	Grade for 1st year Academic Year 1996-1997		Grade for 2nd year Academic Year 1997-1998		Grade for 3rd year Academic Year 1998-1999	
	1st term	2nd term	1st term	2nd term	1st term	2nd term
國文（Chinese）	79	67	79	82	77	66
英文（English）	73	77	63	77	58	68
三民主義（Three Principles of the People）					71	71
公民（Civics）	74	87	78	71		
歷史（History）	62	80	83	82		
地理（Geography）	68	85	73	73		
基礎理化（Fundamentals of Physics & Chemistry）	89	72				
生物（ Biology）		82				
地球科學（ Earth Science）	81					
物理(一)（Physics（I））			57	55		
化學(一)（Chemistry(I)）			63	58		
生物(一)（Biology(I)）						
音樂（Music）	74	81	84	83		
美術（Fine Arts）	80	89	87	80		
工藝（Home Economics）	90	84	76	68		
國學概要（An Introduction to Sinology）						
英語聽講（Guided Listening & Speaking ）						
電子計算機簡介（An Introduction to Computers）	74	74				
應用文(Chinese Grammer & Rhetorics)					60	82
英文作文（English Composition）					73	75
中國文化史（Chinese Cultural History）						
世界文化史（World's Cultural History）						
人文地理（Human Geography ）						
經濟地理（Economic Geography）						
數學(Mathematics)						
理科數學（Math for Science Major students）					50	63
普通數學（General Math）	53	56	55	68		
物理(二)（Physics（II））					43	61
化學(二)（Chemistry(II)）					43	60
生物(二)（Biology(II)）						
平均（Average）	73.5	74.3	68.5	71.7	58.6	66.7
德育（Moral Education）	82	86	85	88	79	81
體育（Physical Education）	74	74	72	72	75	85
群育（Social Training）	82	84	80	84	80	80
軍訓（Military Training）	83	81	77	71	77	85

Remark: Passing Mark is 60, Full Mark is 100, 100-80=A, 79-70=B, 69-60=C, 59-50=D

Dean: Chung Tsai-cheng

Principal: Cheng Ying-Min

Vocational High School Diploma

畢業證書

學生陳文卿係臺北省市縣市人

中華民國伍拾柒年肆月拾日生

在本校綜合商業科修業期滿成績及

格准[redacted]校法之規定給

予畢業證書此證

臺北市私立十信高級工商職業學校代理校

劉孝炎

中華民國[redacted]日

(74)十信孝字第0480號

Vocational High School Diploma - grade list (bilingual version)

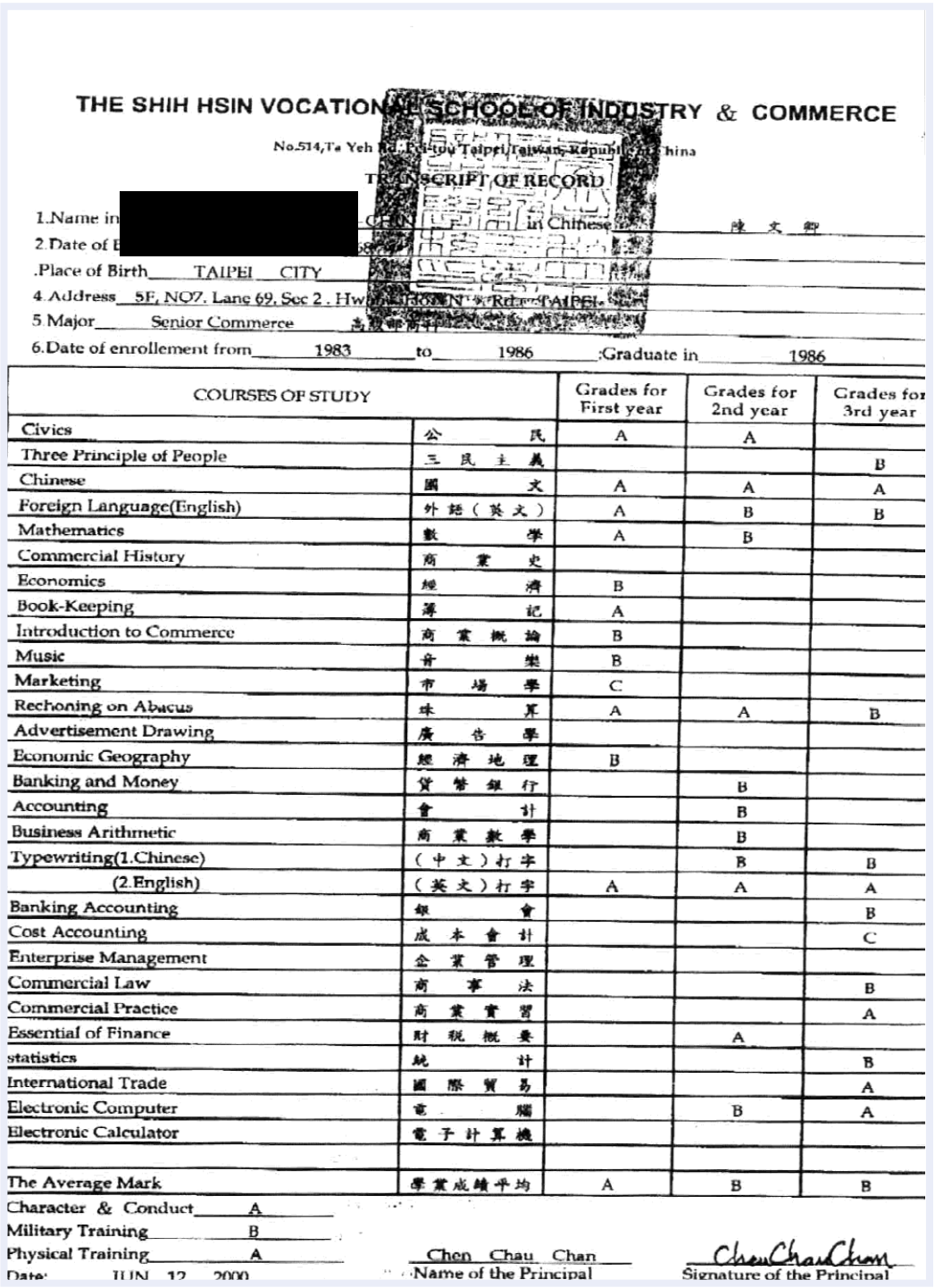

THE SHIH HSIN VOCATIONAL SCHOOL OF INDUSTRY & COMMERCE

No.514,Ta Yeh Rd.,Pei-tou Taipei,Taiwan,Republic of China

TRANSCRIPT OF RECORD

1.Name in [redacted] CHIN in Chinese 陳文卿

2.Date of B[redacted]

.Place of Birth TAIPEI CITY

4.Address 5F, NO7. Lane 69, Sec 2 . Hw[redacted] Rd. TAIPEI

5.Major Senior Commerce 高級部商科

6.Date of enrollement from 1983 to 1986 ;Graduate in 1986

COURSES OF STUDY		Grades for First year	Grades for 2nd year	Grades for 3rd year
Civics	公民	A	A	
Three Principle of People	三民主義			B
Chinese	國文	A	A	A
Foreign Language(English)	外語（英文）	A	B	B
Mathematics	數學	A	B	
Commercial History	商業史			
Economics	經濟	B		
Book-Keeping	簿記	A		
Introduction to Commerce	商業概論	B		
Music	音樂	B		
Marketing	市場學	C		
Rechoning on Abacus	珠算	A	A	B
Advertisement Drawing	廣告學			
Economic Geography	經濟地理	B		
Banking and Money	貨幣銀行		B	
Accounting	會計		B	
Business Arithmetic	商業數學		B	
Typewriting(1.Chinese)	（中文）打字		B	B
(2.English)	（英文）打字	A	A	A
Banking Accounting	銀會			B
Cost Accounting	成本會計			C
Enterprise Management	企業管理			
Commercial Law	商事法			B
Commercial Practice	商業實習			A
Essential of Finance	財稅概要		A	
statistics	統計			B
International Trade	國際貿易			A
Electronic Computer	電腦		B	A
Electronic Calculator	電子計算機			
The Average Mark	學業成績平均	A	B	B

Character & Conduct A

Military Training B

Physical Training A

Date: JUN 12 2000

Chen Chau Chan
Name of the Principal

Chen Chau Chan
Signature of the Principal

5-year junior college – diploma (Chinese and English version)

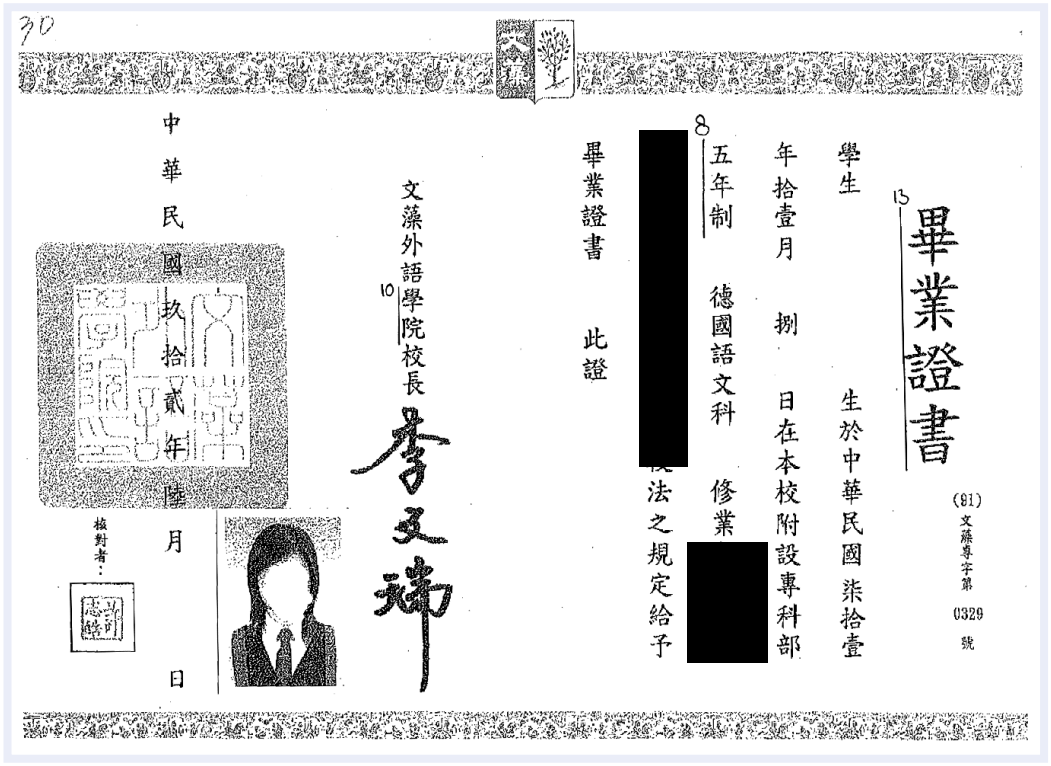

畢業證書

(81) 文藻專字第 0329 號

學生 [redacted] 生於中華民國柒拾壹年拾壹月 捌 日在本校附設專科部五年制 德國語文科 修業 [redacted] 依法之規定給予畢業證書 此證

文藻外語學院校長 李文瑞

中華民國 玖拾貳 年 陸 月 日

校對者：

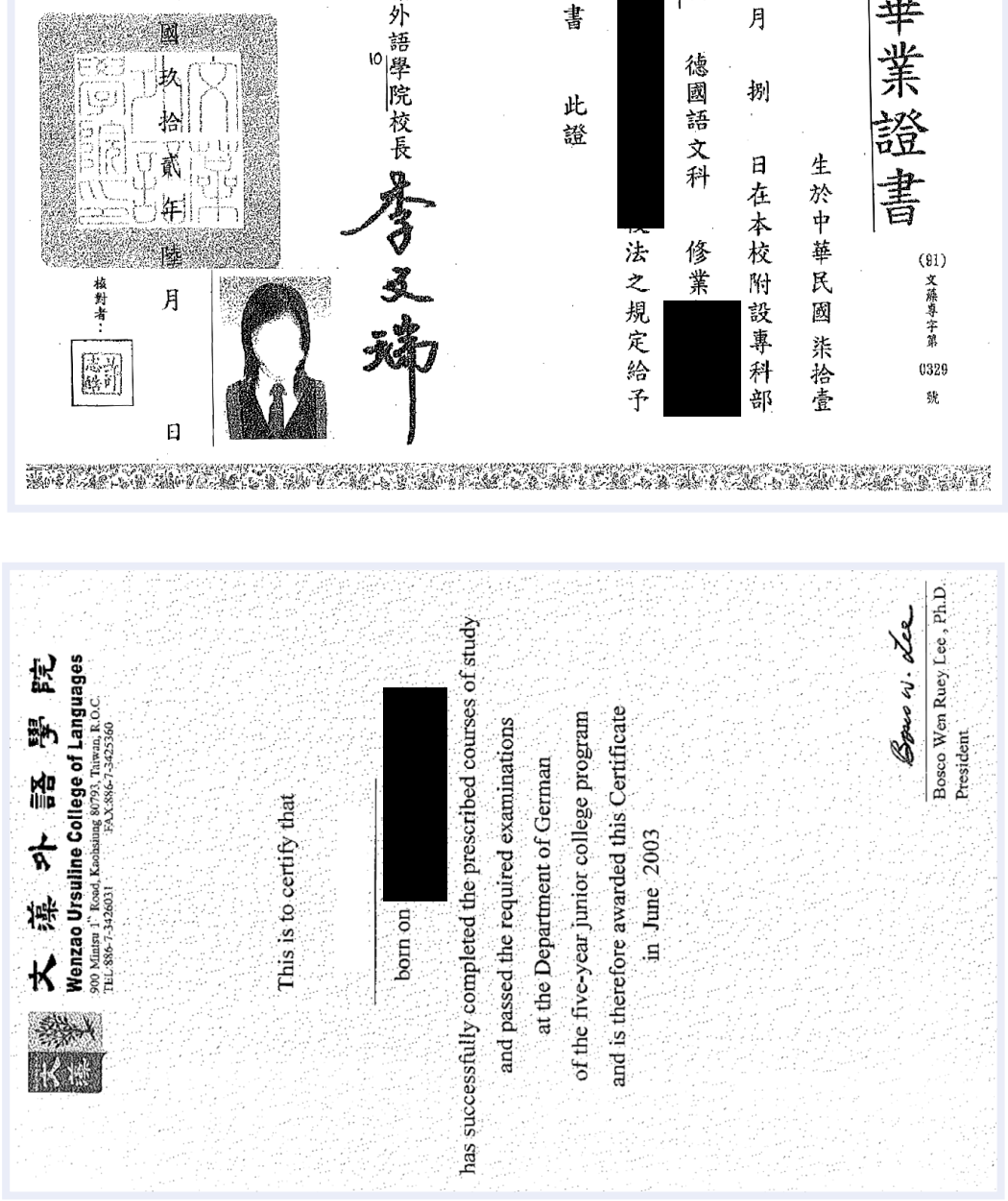

大 藻 外 語 學 院

Wenzao Ursuline College of Languages

900 Minsu 1st Road, Kaohsiung 80793, Taiwan, R.O.C.
TEL:886-7-3426031 FAX:886-7-3425360

This is to certify that

[redacted] born on

has successfully completed the prescribed courses of study
and passed the required examinations
at the Department of German
of the five-year junior college program
and is therefore awarded this Certificate
in June 2003

Bosco Wen Ruey Lee, Ph.D.
President

■ Bachelor's programme - diploma (Chinese version)

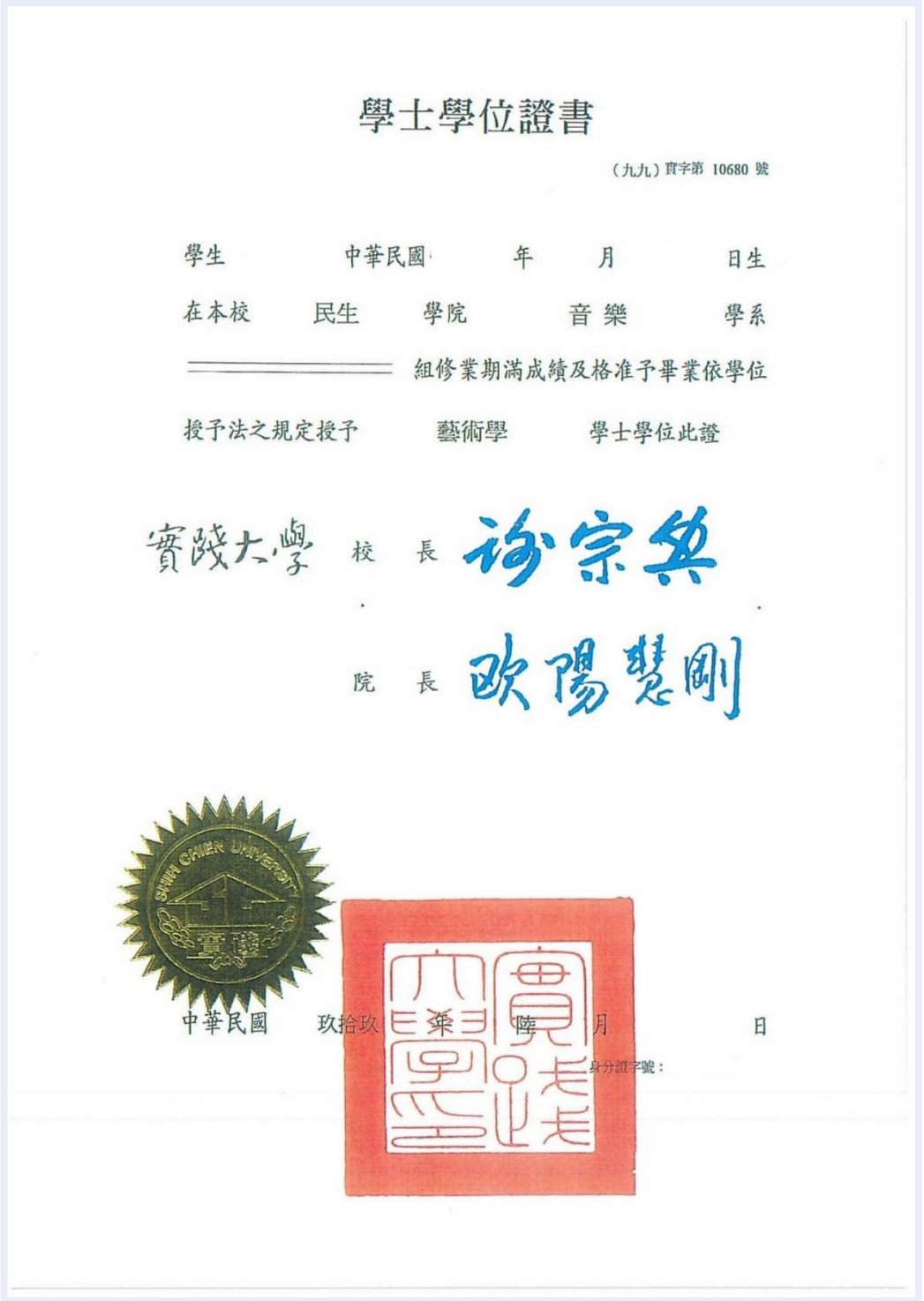

學士學位證書

（九九）實字第 10680 號

學生　　中華民國　　年　　月　　日生

在本校　民生　學院　音樂　學系

＿＿＿＿＿＿＿＿組修業期滿成績及格准予畢業依學位

授予法之規定授予　藝術學　學士學位此證

實踐大學　校長 [illegible]

院長 [illegible]

SHIH CHIEN UNIVERSITY 實踐

中華民國　玖拾玖　年　陸　月　日

身分證字號：

Bachelor's programme – diploma (English version)

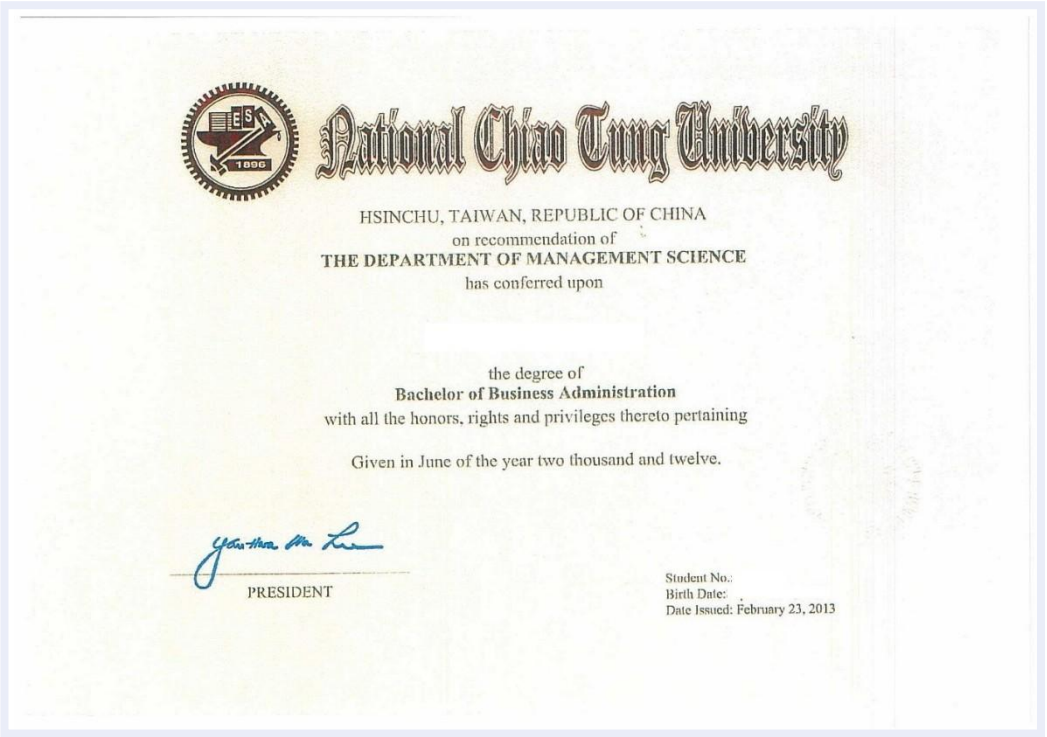

National Chiao Tung University

HSINCHU, TAIWAN, REPUBLIC OF CHINA
on recommendation of
THE DEPARTMENT OF MANAGEMENT SCIENCE
has conferred upon

the degree of
Bachelor of Business Administration
with all the honors, rights and privileges thereto pertaining

Given in June of the year two thousand and twelve.

PRESIDENT

Student No.:
Birth Date:
Date Issued: February 23, 2013

Master's programme – diploma (Chinese version)

國立中興大學

碩士學位證書

(92)興碩證 791550088號
身分證字號：

學生
生於中華民國　年　月　日
在本校　生命科學院
分子生物學研究所　碩士班
修業期滿成績及格准予畢業，依學位授予法
之規定，授予　理學　碩士　學位

此證

國立中興大學　校長

中華民國　玖　年　陸　月　日

Master's programme - diploma (English version)

National Cheng Kung University

Tainan, Taiwan

Student ID Number : **Issued Date :** 07/31/2013

CERTIFICATE OF DEGREE

This certificate is to certify the statement in respect of the academic records of the named person below.

Name :

Date of Birth :

College : Engineering

Graduate Institute : Environmental Engineering

Date Enrolled : September 2011

Degree : Master of Science

Year of Graduation : June 2013

Hwung-Hweng Hwung, Ph.D.
President